

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2022

**“V/v Xin ly hôn, nuôi con  
chung”**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hòa Hợp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đoàn Văn Phôi;
- Ông Chiêm Đặng Thanh Duy;

*Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Mỹ P, xã L, thị xã C, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, ấp Mỹ Tú, xã Mỹ Thuận, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Phan Văn N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp Mỹ P, xã L, thị xã C, tỉnh T.

*(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T trình bày:*

Chị và anh Phan Văn N chung sống với nhau như vợ chồng từ 2009 đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Khánh, thị xã C, tỉnh T theo giấy đăng ký kết hôn số 88 ngày 07/7/2009. Trong thời gian đầu sống chung với nhau hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau, chị và anh N đã ly thân với nhau từ đầu năm

2021 cho đến. Nay thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn với anh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thanh T, sinh ngày 09/3/2011 và Phan Nguyên Đ, sinh ngày 16/12/2015, hiện đang sống với Chị T. Khi ly hôn Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 02 cháu không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Phan Văn N vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Thúy.

***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*** Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh N kết hôn năm 2009 có 02 con chung. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Tại đơn xin ly hôn Chị T yêu cầu ly hôn với anh N. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh N vẫn vắng mặt. Xét thấy tình cảm của anh chị không còn nên yêu cầu xin ly hôn của Chị T với anh N là có cơ sở.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thanh T, sinh ngày 09/3/2011 và Phan Nguyên Đ, sinh ngày 16/12/2015, hiện đang sống với Chị T. Khi ly hôn Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 02 cháu không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của Chị T có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Về tố tụng:*** Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Phan Văn N tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Long Khánh, thị xã C, tỉnh T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88 ngày 07/7/2009 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Diễm T có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Phan Văn N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

**[2] Về nội dung:** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai Chị T yêu cầu được ly hôn với anh N lý do chị cho rằng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt, nay chị thấy không còn hạnh phúc với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh N. Tại phiên tòa anh N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của Chị T. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị T là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T.

**[3] Về con chung:** Chị T và Nguyễn có 02 con chung tên Phan Thanh T, sinh ngày 09/3/2011 và Phan Nguyên Đ, sinh ngày 16/12/2015, hiện đang sống với Chị T. Khi ly hôn Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 02 cháu không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của Chị T có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**[6] Về án phí:** Chị Thúy phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm T.**

- **Về tình cảm:** Cho chị Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với anh Phan Văn N.

- **Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị Diễm T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Thanh T, sinh ngày 09/3/2011 và Phan Nguyên Đ, sinh ngày 16/12/2015. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

**- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0002454 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chị T, anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.C THADS TX Cai Lậy ;
- Nông xã (nhà thi haønh);
- UBND xã Long Khánh;
- Lưu hoà sô.

**Nguyễn Hòa Hợp**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**  
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 20 tháng 9 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Đoàn Công Phôi**;

+ Ông **Chiêm Đặng Thanh Duy**;

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “ Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn**: **Nguyễn Thị Diễm T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Mỹ P, xã L, thị xã C, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, ấp Mỹ Tú, xã Mỹ Thuận, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn**: **Phan Văn N**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp Mỹ P, xã L, thị xã C, tỉnh T.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** “Xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn”.

Biểu quyết: thống nhất 3/3

**2. Văn bản và điều luật áp dụng:**

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56 các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: thống nhất 3/3.

**3. Nội dung tranh chấp:**

**Xử**: **Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm T.**

- ***Về tình cảm***: Cho chị Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với anh Phan Văn N.

- ***Về con chung***: Giao cho chị Nguyễn Thị Diễm T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Thanh T, sinh ngày 09/3/2011 và Phan Nguyên Đ, sinh ngày 16/12/2015. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Biểu quyết: thống nhất 3/3

**4. Các vấn đề khác:**

**- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0002454 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chị T, anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 9 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)